

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/DSPT

Ngày 13 – 05 – 2020

V/v Kiện buộc thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn và bà Trần Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2020/TLPT- DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Kiện buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2020/QĐ - PT ngày 27/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐ- PT ngày 22/04/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn TT, xã TL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân K; địa chỉ: PNL, Tp. B, tỉnh Đắc Lắc. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Danh A; địa chỉ: HBT, phường TN, Tp. B, tỉnh Đắc Lắc. Có mặt

Nơi ở hiện nay: Thôn Z, xã QK, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Danh N; địa chỉ: Thôn Z, xã QK, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
2. Ông Nguyễn Danh K;
3. Ông Nguyễn Danh C;

Cùng địa chỉ: HBT, phường TN, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Trọng Bình G; địa chỉ: Thôn TT, xã TL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị Kim M; địa chỉ: LD, tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Danh A.

- *Người kháng nghị :* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, con trai bà Lê Thị H là anh Lê Xuân D đi nghĩa vụ quân sự ngành Công an, đóng quân tại địa bàn Thành phố B nên bà H có quen bà Võ Thị Hoàng O (là vợ của ông Nguyễn Danh A). Bà O có hứa xin việc chuyển chuyên nghiệp trong ngành công an cho con trai bà H.

Sau đó, bà O vay bà H một khoản tiền và nói bà H chuyển tiền cho con dâu bà O là Trần Thị Kim M, số tài khoản 5214205063367 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh P, Đắk Lắk.

Năm 2014, bà H đã 04 lần chuyển vào tài khoản của chị Trần Thị Kim M nhận thay cho bà O số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 11/02/2014 chuyển số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 20/02/2014 chuyển số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 11/3/2014 chuyển số tiền 100.000.000 đồng (bà H nhờ ông Nguyễn Trọng Bình G – là người thân của bà H chuyển).
- Ngày 31/3/2014 chuyển số tiền 100.000.000 đồng

Sau khi nhận tiền, bà O chưa kịp trả lại số tiền trên cho bà H thì bà O chết. Bà H trực tiếp gặp con dâu bà O là chị M, gặp chồng bà O là ông Nguyễn Danh A để xin lại số tiền. Chị M thừa nhận đã nhận tiền các lần bà H chuyển và đưa cho bà O.

Lúc này, bà O mới mất nên ông A chồng bà O không có tiền để trả cho bà H. Vì vậy, ngày 05/01/2016 ông A viết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H thửa đất số 221, diện tích 1.100m² mang tên bà Võ Thị Hoàng O với giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng để trừ nợ. Vì vậy, hợp đồng trên có ghi rõ đã giao tiền đầy đủ. Ông A cam kết sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà H theo quy định của pháp luật trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, từ khi ký giấy đến nay, ông A không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Bà H nhiều lần trực tiếp vào gặp ông A yêu cầu ông chuyển nhượng lô đất trên tại văn phòng công chứng, nếu không thì phải trả lại tiền cho bà H nhưng ông A cố tình trốn tránh, hoặc có gặp thì chửi bới bà H và trở mặt không chịu thực hiện nghĩa vụ của mình.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A là người thừa kế quyền và nghĩa vụ dân sự của bà Võ Thị Hoàng O có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị H số tiền gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05/01/2016 đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2018 bị đơn ông Nguyễn Danh A trình bày:

Vào năm 2014, vợ ông là bà Võ Thị Hoàng O có nhận của bà Lê Thị H số tiền 300.000.000 đồng để lo công việc cho con bà H, nhưng do bà O chết nên không thực hiện được. Nay bà H kiện ông A đòi lại số tiền trên, thực chất việc giao nhận tiền giữa vợ ông và bà H ông không được biết, nhưng là việc có thật. Sau khi bà O chết ông đã quyết định trả lại cho bà H số tiền trên bằng cách sang nhượng cho bà H một mảnh đất tại thị xã X, tỉnh Đắk Nông nhưng không được. Nay ông đồng ý trả lại cho bà H số tiền trên.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 18/01/2019 ông A lại thay đổi lời khai với nội dung: Việc vay mượn giữa bà H với bà O ông không được biết nên ông yêu cầu bà H cung cấp chứng từ vay mượn của bà H và bà O. Vì không có chứng cứ thể hiện việc vay mượn nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà H là do ông không tìm hiểu kỹ sự việc mà chỉ tin vào lời nói của bà H nên đã làm như vậy, thực chất đó là hợp đồng không có thật, thực tế ông không nhận bất cứ khoản tiền nào của bà H.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim M trình bày: Năm 2014, bà O có mượn tài khoản của chị M mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P, Đắk Lắk để thực hiện việc gửi tiền giữa bà O với bà Lê Thị H, chị chỉ nhận tiền, rút và gửi lại cho bà O. Số tiền đó chị không biết bà O làm gì. Chị cũng không biết bà H là ai, ở

đầu, số tiền chuyển trong giấy nộp tiền mà bà H cung cấp là đúng, chị không liên quan gì trong vụ án này nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 116; Điều 119; Điều 166; Điều 288; Điều 351; Điều 613; Điều 615; Điều 651 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H

Buộc ông Nguyễn Danh A, anh Nguyễn Danh N, Nguyễn Danh K, Nguyễn Danh C có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: Trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Danh A, anh Nguyễn Danh N, Nguyễn Danh K, Nguyễn Danh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ – KNPT – VKS – DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2019/DSST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa đúng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên cần hủy bản án sơ thẩm.

Khi xét xử sơ thẩm ông A vắng mặt. Ngày 25/12/2019, ông A nhận được bản án; ngày 08/01/2020, bị đơn ông Nguyễn Danh A có đơn kháng cáo với nội dung: Ông A không đồng ý với toàn bộ Bản án số 146/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Cụ thể : Ông Nguyễn Danh A có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số

tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Danh A phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Danh N đồng ý với ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân K và bị đơn ông Nguyễn Danh A. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX áp dụng Điều 300 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Cụ thể : Ông Nguyễn Danh A có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Danh A phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Danh N đồng ý với ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân K và bị đơn ông Nguyễn Danh A. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 300 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2]. Về án phí DSPT: Ông Nguyễn Danh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 146/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Ông Nguyễn Danh A có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

[2]. Về án phí:

[2.1]. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Danh A phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2]. Về án phí DSPT: Ông Nguyễn Danh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/005709 ngày 14/01/2020 do Lê Nhật Q nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. BMT;
- Chi cục THADS tp. B;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân